

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2016 ĐẾN NGÀY 30/06/2016



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	03-05
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	06-07
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	08-11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc	14-39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106332492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 10 năm 2013 và được đăng ký thay đổi lần thứ 6 vào ngày 09 tháng 05 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 vào ngày 09/05/2016 là 174.554.000.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi tư tỷ, năm trăm năm mươi tư triệu đồng chẵn*) với mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần tương đương 17.455.400 cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại hạt nhựa và sản xuất bao bì nhựa.

2. Ban Tổng giám đốc và Hội đồng Quản trị

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
Ông Lê Xuân Nghĩa	Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Văn Phương	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên
Ông Tào Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Lê Hoàng Quân	Thành viên

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau :

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
Bà Nguyễn Thu Hương	Trưởng ban
Ông Phạm Văn Hải	Thành viên
Ông Lê Đức Bắc	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Tổng Giám đốc (<i>Miễn nhiệm ngày 28/04/2016</i>)
Bà Phạm Thị Thùy	Tổng Giám đốc (<i>Bổ nhiệm ngày 28/04/2016</i>)
Ông Phạm Thiên Thành	Kế toán trưởng

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại thôn Diêm Tông, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính giữa niên độ của Công ty đã được lập theo đúng yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP
Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2016

TM. Ban Tổng giám đốc



Tổng Giám đốc
Phạm Thị Thủy

Số: 115/2016/BCKT/PKF-VPHN

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP được lập ngày 10 tháng 08 năm 2016, từ trang 08 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Trần Thị Nguyệt

Phó Tổng giám đốc

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0589-2015-242-1*

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B01a-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		78.069.776.369	102.712.982.230
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.267.651.286	14.664.266.409
1. Tiền	111		1.267.651.286	14.664.266.409
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.6	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.361.976.179	59.851.075.963
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	31.567.671.401	35.774.491.715
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.463.142.100	8.386.077.500
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HDXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	V.4	6.331.162.678	15.690.506.748
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	29.688.318.678	22.057.632.350
1. Hàng tồn kho	141		29.688.318.678	22.057.632.350
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.751.830.226	6.140.007.508
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	65.583.307	115.530.657
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.686.246.919	6.024.476.851
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		183.686.175.420	161.820.254.125
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.025.790.330	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	1.025.790.330	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tông, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B01a-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		73.247.884.368	70.474.706.451
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	73.247.884.368	70.474.706.451
- Nguyên giá	222		78.517.030.910	73.967.212.727
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.269.146.542)	(3.492.506.276)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.6	109.000.000.000	91.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		83.000.000.000	83.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26.000.000.000	8.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		412.500.722	345.547.674
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	412.500.722	345.547.674
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		261.755.951.789	264.533.236.355

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**Mẫu số B01a-DN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		82.360.223.288	75.565.353.110
I. Nợ ngắn hạn	310		64.128.777.488	72.533.353.110
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	8.104.141.159	24.452.835.491
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	754.128.577	1.466.152.290
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.972.921.463	2.695.345.163
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	80.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	11.746.749.956	33.376.126
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	41.103.218.356	43.555.676.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		447.617.977	249.968.040
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		18.231.445.800	3.032.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	18.231.445.800	3.032.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B01a-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		179.395.728.501	188.967.883.245
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	179.395.728.501	188.967.883.245
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		174.554.000.000	174.554.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		174.554.000.000	174.554.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.806.671.911	878.724.121
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		3.035.056.590	13.535.159.124
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		485.227.439	4.255.681.220
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.549.829.151	9.279.477.904
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		261.755.951.789	264.533.236.355

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Người lập

Nguyễn Thị Thanh Minh

Kế toán trưởng

Phạm Thiên Thành

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B02a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	68.372.952.392	41.575.217.118
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	34.881.000
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		68.372.952.392	41.540.336.118
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	60.770.860.880	36.374.107.403
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.602.091.512	5.166.228.715
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	809.132.558	5.037.646.734
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	2.773.894.414	402.246.989
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.636.718.228	402.246.989
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8	1.081.617.233	440.320.215
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	2.259.071.727	1.425.713.938
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.296.640.696	7.935.594.307
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.789.696.379	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	854.992.083	10.367.597
13. Lợi nhuận khác	40		934.704.296	(10.367.597)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.231.344.992	7.925.226.710
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.9	681.515.841	1.743.549.876
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.549.829.151	6.181.676.834
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		146	495
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Người lập

Nguyễn Thị Thanh Minh

Kế toán trưởng

Phạm Thiên Thành

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mẫu số B03a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		53.859.330.414	29.867.694.535
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(58.246.525.480)	(27.660.307.686)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.233.069.231)	(1.905.372.364)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2.636.718.228)	(393.707.914)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.442.000.000)	(1.020.668.551)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		23.946.189.648	51.197.255.362
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(16.488.959.739)	(54.572.122.092)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.241.752.616)	(4.487.228.710)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.760.800.001)	(5.192.226.727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.842.500.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		8.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(26.000.000.000)	(20.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			20.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16.449.338	5.029.912.627
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(21.901.850.663)	(162.314.100)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		64.286.964.156	12.369.601.044
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(51.539.976.000)	(6.048.252.044)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		12.746.988.156	6.321.349.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(13.396.615.123)	1.671.806.190
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		14.664.266.409	5.195.883.677
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VI.01	1.267.651.286	6.867.689.867

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Người lập

Handwritten signature

Kế toán trưởng

Handwritten signature



Tổng Giám đốc

Handwritten signature

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106332492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 10 năm 2013 và được đăng ký thay đổi lần thứ 06 vào ngày 09 tháng 05 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại thôn Điem Tông, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106332492 đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 09/05/2016 là 174.554.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi tư tỷ, năm trăm năm mươi tư triệu đồng chẵn*).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là thương mại hạt nhựa và sản xuất bao bì nhựa.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại đơn vị là 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Khi thực hiện công tác kế toán, Công ty áp dụng các loại tỷ giá sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

Ngoài ra, khi xác định nghĩa vụ thuế (kê khai, quyết toán, nộp thuế), Công ty thực hiện theo các qui định của pháp luật về thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (Tiếp theo) Mẫu số B09a-DN
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh:

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

c) Các khoản cho vay:

Các khoản cho vay được phản ánh theo khế ước cho vay giữa Công ty với các đối tượng vay không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

d) Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính:

Các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

f) Lập dự phòng đầu tư tài chính

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

a) Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

b) Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (Tiếp theo) Mẫu số B09a-DN
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

c) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d) Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính, bất động sản đầu tư

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-----------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05-50 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05-25 năm |
| - Phương tiện vận tải | 01-10 năm |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (Tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

b) Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính

c) Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

8. Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán được từng đội theo dõi và chịu trách nhiệm.

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).

- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).

- Các khoản phải trả, tiến hành theo dõi chi tiết công nợ theo từng hạng mục công trình chuyển sang theo dõi chi tiết công nợ theo từng đội xây dựng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

Nợ cho thuê tài chính được ghi nhận theo số tài sản thuê tài chính mà Công ty nhận được tương ứng với số tiền thuê mà Công ty phải trả theo hợp đồng thuê tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận khi Công ty nhận được hàng hóa, dịch vụ từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (Tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (Tiếp theo) Mẫu số B09a-DN
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

e) Thu nhập khác

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm trừ doanh thu là các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong kỳ của Công ty.

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong năm.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

22. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (Tiếp theo) Mẫu số B09a-DN
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

b) Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa: hạt nhựa, bao bì nhựa.

Khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường cụ thể và có rủi ro, lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực Hà Nội do đó Công ty không lập báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý.

24. Bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.5.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

V. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.170.912.039	5.397.319.593
Tiền gửi ngân hàng	96.739.247	9.266.946.816
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	1.267.651.286	14.664.266.409

2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	31.567.671.401	-	35.774.491.715	-
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	27.647.912.101	-	24.395.988.915	-
<i>Công ty TNHH Thịnh Phát</i>	27.647.912.101	-	24.395.988.915	-
Phải thu khách hàng khác	3.919.759.300	-	11.378.502.800	-
Cộng	31.567.671.401	-	35.774.491.715	-
b) Phải thu khách hàng dài hạn (Chi tiết khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng)				
c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan	29.787.662.101		31.823.484.415	-
<i>Công ty TNHH Thịnh Phát</i>	27.647.912.101		24.395.988.915	
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư NHP</i>	1.842.500.000		5.973.968.000	
<i>Bà Ngô Thị Ngân</i>	297.250.000		1.453.527.500	
Cộng	29.787.662.101		31.823.484.415	-

3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tư vấn Địa chính và Đo đạc Thanh Xuân	500.000.000	350.000.000
Công ty TNHH Quan Châu	690.228.000	293.400.000
Công ty TNHH May thêu Minh Phương	-	7.309.027.500
Các công ty khác	272.914.100	433.650.000
Cộng	1.463.142.100	8.386.077.500

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

4 . PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	6.331.162.678	-	15.690.506.748	-
- Phải thu khác	949.000	-	6.350.000.000	-
Ông Trịnh Bá Toàn	-	-	1.350.000.000	-
Ông Đinh Ngọc Dương	-	-	5.000.000.000	-
- Tạm ứng	6.330.213.678	-	7.348.956.748	-
Ông Lê Xuân Nghĩa	2.147.000.000	-	112.522.061	-
Bà Nguyễn Thị Mai	-	-	3.158.778.000	-
Bà Phạm Thị Thanh Hoa	2.958.000.000	-	-	-
Bà Triệu Thị Hà	-	-	2.958.000.000	-
Các cá nhân khác	1.225.213.678	-	1.119.656.687	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	-	1.991.550.000	-
b) Dài hạn				
Cộng	6.331.162.678	-	15.690.506.748	-

5 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường				
Nguyên vật liệu	7.749.400.671	-	6.176.551.630	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	135.090.909	-
Chi phí SXKD dở dang	7.392.545.275	-	9.355.843.055	-
Thành phẩm nhập kho	11.046.372.450	-	2.881.586.057	-
Hàng hóa	3.500.000.282	-	3.508.560.699	-
Cộng	29.688.318.678	-	22.057.632.350	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Diêm Tông, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09a-DN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Giá gốc	Số cuối kỳ Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Số đầu năm Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-	-
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-	-
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	109.000.000.000	-	-	91.000.000.000	-	-
- Đầu tư vào Công ty con	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên	83.000.000.000	-	-	83.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Delex Việt Nam - tỷ	9.000.000.000	-	-	9.000.000.000	-	-
lệ sở hữu 20%						
Công ty Cổ phần Đầu tư NHP - tỷ lệ	74.000.000.000	-	-	74.000.000.000	-	-
sở hữu 37%						
- Đầu tư vào công ty khác	26.000.000.000	-	-	8.000.000.000	-	-
Công ty CP Dầu thực vật Sài Gòn - tỷ						
lệ sở hữu 4%						
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư	26.000.000.000	-	-	8.000.000.000	-	-
Trường Giang-tỷ lệ sở hữu 10%						
Cộng	109.000.000.000			91.000.000.000		

(*) Xem Thuyết minh VIII.4.5 - Giá trị hợp lý

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Diêm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	40.909.090.909	27.953.161.818	5.104.960.000	73.967.212.727
Tăng trong kỳ	-	5.237.090.910	-	5.237.090.910
- Mua trong kỳ		5.237.090.910		5.237.090.910
Giảm trong kỳ	-	687.272.727		687.272.727
- Thanh lý, nhượng bán		687.272.727		687.272.727
- Giảm khác				-
Số dư cuối năm	40.909.090.909	32.502.980.001	5.104.960.000	78.517.030.910
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	1.619.318.184	1.745.564.090	127.624.002	3.492.506.276
Tăng trong kỳ	511.363.638	1.018.513.478	255.247.998	1.785.125.114
- Số khấu hao trong kỳ	511.363.638	1.018.513.478	255.247.998	1.785.125.114
Giảm trong kỳ	-	8.484.848		8.484.848
- Thanh lý, nhượng bán		8.484.848		8.484.848
- Giảm khác				-
Số dư cuối năm	2.130.681.822	2.755.592.720	382.872.000	5.269.146.542
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu kỳ	39.289.772.725	26.207.597.728	4.977.335.998	70.474.706.451
2. Tại ngày cuối kỳ	38.778.409.087	29.747.387.281	4.722.088.000	73.247.884.368

8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	65.583.307	115.530.657
b) Dài hạn	412.500.722	345.547.674
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	412.500.722	345.547.674
Cộng	478.084.029	461.078.331

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Diêm Tông, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09a-DN

10. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	41.103.218.356	41.103.218.356	48.749.518.356	51.201.976.000	43.555.676.000	43.555.676.000	
Vay ngân hàng VND	41.103.218.356	41.103.218.356	42.103.218.356	44.555.676.000	43.555.676.000	43.555.676.000	
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội(i)	13.833.769.077	13.833.769.077	13.833.769.077	13.555.676.000	13.555.676.000	13.555.676.000	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển NT- CN Tây Hà Nội (ii)	27.269.449.279	27.269.449.279	28.269.449.279	31.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	
Ông Ngô Văn Phương (v)	-	-	6.646.300.000	6.646.300.000	-	-	
b) Vay dài hạn	18.231.445.800	18.231.445.800	15.537.445.800	338.000.000	3.032.000.000	3.032.000.000	
Ngân hàng TMCP Quốc dân - CN Hà Nội (iii)	2.694.000.000	2.694.000.000	-	338.000.000	3.032.000.000	3.032.000.000	
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội (iv)	15.537.445.800	15.537.445.800	15.537.445.800	-	-	-	
Cộng	59.334.664.156	59.334.664.156	64.286.964.156	51.539.976.000	46.587.676.000	46.587.676.000	

(i) Hợp đồng tín dụng số 2887/15/TD-TT/II ngày 29 tháng 06 năm 2015 ký với Ngân hàng TMCP An Bình- Chi nhánh Hà Nội với hạn mức tín dụng 20 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng, lãi suất được quy định cụ thể trong từng lần nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh bao bì.

(ii) Hợp đồng tín dụng số 1480-LAV-201600125 ngày 10 tháng 06 năm 2016 ký với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với hạn mức của hợp đồng là 50 tỷ đồng, thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng, lãi suất được quy định trong từng lần nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

(iii) Hợp đồng tín dụng số 005/15/HĐTD/104-11 ngày 08 tháng 05 năm 2015 ký với Ngân hàng TMCP Quốc Dân với số tiền 3,37 tỷ đồng, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất vay 9,5%/ năm áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích vay mua xe ô tô Mercedes- Ben S500L phục vụ đi lại.

(iv) Hợp đồng tín dụng số 2192/15/TD-TT/II ngày 04 tháng 06 năm 2015 ký với Ngân hàng TMCP An Bình- Chi nhánh Hà Nội với hạn mức tín dụng 19 tỷ đồng, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất thả nổi, mục đích vay mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Diêm Tông, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09a-DN

10. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp)

Đơn vị tính: VND

(v) Hợp đồng mượn tiền ông Ngô Văn Phương ngày 11 tháng 01 năm 2016 với số tiền 5.099.600.000 đồng từ ngày 11 tháng 01 năm 2016 đến ngày 15 tháng 01 năm 2016, lãi suất 0%, mục đích vay bổ sung vốn lưu động.

(v) Hợp đồng mượn tiền ông Ngô Văn Phương ngày 15 tháng 06 năm 2016 với số tiền 1.546.700.000 đồng từ ngày 15 tháng 06 năm 2016 đến ngày 22 tháng 06 năm 2016, lãi suất 0%, mục đích vay bổ sung vốn lưu động.

c) Thuyết minh chi tiết về các khoản vay và nợ thuế tài chính đối với các bên liên quan

	Số cuối kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng trong kỳ	Trả trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả
Ông Ngô Văn Phương	-	-	6.646.300.000	6.646.300.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc dân - CN Hà Nội	2.694.000.000	2.694.000.000	-	338.000.000	3.032.000.000	3.032.000.000
Cộng	2.694.000.000	2.694.000.000	6.646.300.000	6.984.300.000	3.032.000.000	3.032.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	8.104.141.159	8.104.141.159	24.452.835.491	24.452.835.491
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên	5.260.000.000	5.260.000.000	20.035.300.792	20.035.300.792
<i>Công ty TNHH MTV 76</i>	<i>5.260.000.000</i>	<i>5.260.000.000</i>	<i>2.550.000.000</i>	<i>2.550.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Công Phát</i>	-	-	<i>2.740.800.000</i>	<i>2.740.800.000</i>
<i>Công ty TNHH Thịnh Phát</i>	-	-	<i>3.474.500.792</i>	<i>3.474.500.792</i>
<i>Công ty Hengli Machine Co.,Ltd</i>			<i>8.586.380.000</i>	<i>8.586.380.000</i>
<i>Công ty Yiwu Leatron Import and Export Co.,Ltd</i>			<i>2.683.620.000</i>	<i>2.683.620.000</i>
Các khoản phải trả người bán khác	2.844.141.159	2.844.141.159	4.417.534.699	4.417.534.699
Cộng	8.104.141.159	8.104.141.159	24.452.835.491	24.452.835.491
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	1.031.215.590	1.031.215.590	4.485.416.382	4.485.416.382
- <i>Công ty Cổ phần Delex Việt Nam</i>	<i>597.677.590</i>	<i>597.677.590</i>	<i>892.677.590</i>	<i>892.677.590</i>
- <i>Công ty TNHH Thịnh Phát</i>	-	-	<i>3.474.500.792</i>	<i>3.474.500.792</i>
- <i>Bà Ngô Thị Ngân</i>	<i>416.906.000</i>	<i>416.906.000</i>	<i>118.238.000</i>	<i>118.238.000</i>
- <i>Công ty Cổ phần Đầu tư NHP</i>	<i>16.632.000</i>	<i>16.632.000</i>	-	-
Cộng	1.031.215.590	1.031.215.590	4.485.416.382	4.485.416.382

12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Megafine Industrial Limited	269.736.964	1.466.152.290
Công ty Korea Tarpia Co.,Ltd	484.391.613	-
Cộng	754.128.577	1.466.152.290

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

a) Phải nộp (Chi tiết cho từng loại thuế)	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ
- Thuế GTGT	-	5.002.063.679	5.002.063.679	-
- Thuế TNDN	2.693.567.663	681.515.841	1.442.000.000	1.933.083.504
- Thuế TNCN	1.777.500	4.582.912	1.797.453	4.562.959
- Các loại thuế khác		432.275.000	397.000.000	35.275.000
Cộng	2.695.345.163	6.120.437.432	6.842.861.132	1.972.921.463

b) Phải thu (Chi tiết cho từng loại thuế)

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Bảo hiểm xã hội	79.739.956	33.376.126
- Phải trả, phải nộp khác	9.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	11.658.010.000	-
Cộng	11.746.749.956	33.376.126
b) Dài hạn		

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Diêm Tông, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	125.000.000.000					5.427.313.381	130.427.313.381
Tăng vốn năm trước	49.554.000.000						49.554.000.000
Lãi trong năm trước						9.279.477.904	9.279.477.904
Tăng khác				878.724.121			878.724.121
<i>Trích lập các quỹ</i>				878.724.121			878.724.121
Giảm vốn trong năm trước							-
Giảm khác						1.171.632.161	1.171.632.161
Số dư cuối năm trước	174.554.000.000			878.724.121		13.535.159.124	188.967.883.245
Tăng vốn trong kỳ này							-
Lãi trong kỳ này						2.549.829.151	2.549.829.151
Tăng khác				927.947.790			927.947.790
<i>Trích lập các quỹ</i>				927.947.790			927.947.790
Giảm vốn trong kỳ này							-
Lỗ trong kỳ này							-
Giảm khác						13.049.931.685	13.049.931.685
<i>Trích lập các quỹ</i>						1.391.921.685	1.391.921.685
<i>Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát</i>						312.000.000	312.000.000
<i>Chia cổ tức</i>						11.346.010.000	11.346.010.000
Số dư cuối kỳ này	174.554.000.000			1.806.671.911		3.035.056.590	179.395.728.501

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của công ty mẹ			
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	174.554.000.000	174.554.000.000
Cộng		174.554.000.000	174.554.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	174.554.000.000	125.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ		49.554.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	174.554.000.000	174.554.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	13.049.931.685	

d) Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.455.400	17.455.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.455.400	17.455.400
- Cổ phiếu phổ thông	17.455.400	17.455.400
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.455.400	17.455.400
- Cổ phiếu phổ thông	17.455.400	17.455.400
- Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

đ) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế	2.549.829.151	6.181.676.834
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu		
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	17.455.400	12.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	146	495

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	1.806.671.911	878.724.121
- Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh**1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này	Kỳ trước
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hóa	68.372.952.392	41.575.217.118
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Cộng	68.372.952.392	41.575.217.118
b) Doanh thu với các bên liên quan		
<i>Công ty Cổ phần Delex Việt Nam</i>	872.727.272	6.065.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư NHP</i>	10.599.181.818	-
<i>Công ty TNHH Thịnh Phát</i>	34.081.909.463	24.948.338.688
<i>Bà Ngô Thị Ngân</i>	427.727.272	-
Cộng	45.981.545.825	31.013.338.688
c) Doanh thu ghi nhận trước từ hoạt động cho thuê tài sản		

2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Kỳ này	Kỳ trước
Hàng bán bị trả lại	-	34.881.000
Cộng	-	34.881.000

3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn của hàng đã bán	60.770.860.880	36.374.107.403
Cộng	60.770.860.880	36.374.107.403

4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, cho vay	809.132.558	5.037.646.734
Cộng	809.132.558	5.037.646.734

5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền vay	2.636.718.228	402.246.989
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	62.500.000	
Chi phí tài chính khác	74.676.186	
Cộng	2.773.894.414	402.246.989

6 . THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi do thanh lý tài sản	1.675.000.000	
- Các khoản thu nhập khác	114.696.379	-
Cộng	1.789.696.379	-

7 . CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	678.787.879	
- Các khoản chi phí khác	176.204.204	10.367.597
Cộng	854.992.083	10.367.597

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Đầm Tồng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm:	2.259.071.727	1.425.713.938
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	1.208.250.497	1.020.575.437
+ Chi phí nhân công quản lý	890.944.618	608.120.506
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	317.305.879	412.454.931
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.050.821.230	405.138.501
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	1.081.617.233	440.320.215
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	980.842.979	364.160.981
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	980.842.979	364.160.981
- Chi phí bán hàng khác	100.774.254	76.159.234
Cộng	3.340.688.960	1.866.034.153

9 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.231.344.992	7.925.226.710
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	176.234.213	
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-	
Thu nhập chịu thuế	3.407.579.205	7.925.226.710
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	681.515.841	1.743.549.876

10 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.395.658.139	27.936.471.304
Chi phí nhân công	3.408.180.414	1.965.208.614
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.785.125.114	1.021.829.583
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.949.039.513	6.841.810.579
Chi phí bằng tiền khác	161.533.181	4.504.697.974
Cộng	41.699.536.361	42.270.018.054

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

- 1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác
- 2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Diêm Tống, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

3. BÁO CÁO BỘ PHẬN**3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Mẫu số B09-DN

Đơn vị tính : VND

Năm nay	Hạt nhựa	Bao bì	Khác	TỔNG CỘNG
CHỈ TIÊU				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	20.984.190.911	26.689.419.091	20.699.342.390	68.372.952.392
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.984.190.911	26.689.419.091	20.699.342.390	68.372.952.392
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	412.818.917	2.063.301.598	5.125.970.997	7.602.091.512
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				3.340.688.960
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				4.261.402.552
Doanh thu hoạt động tài chính				809.132.558
Chi phí tài chính				2.773.894.414
Thu nhập khác				1.789.696.379
Chi phí khác				854.992.083
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				681.515.841
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				2.549.829.151
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				5.237.090.910
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				1.785.125.114
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tồng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09-DN

Năm trước

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Hạt nhập	Bao bì	Khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	17.002.869.181	12.899.881.626	11.637.585.311	41.540.336.118
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.002.869.181	12.899.881.626	11.637.585.311	41.540.336.118
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.275.929.199	1.642.318.896	2.247.980.620	5.166.228.715
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				1.866.034.153
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				3.300.194.562
Doanh thu hoạt động tài chính				5.037.646.734
Chi phí tài chính				402.246.989
Thu nhập khác				-
Chi phí khác				10.367.597
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				1.743.549.876
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				6.181.676.834
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				5.192.226.727
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				1.021.829.583
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Diêm Tông, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09-DN

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Hạt nhựa	Bao bì	Khác	TỔNG CỘNG
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	19.248.989.511	24.482.447.301	18.987.695.367	62.719.132.179
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				199.036.819.610
Tổng tài sản				261.755.951.789
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.718.671.884	3.457.830.401	2.681.767.451	8.858.269.736
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				73.501.953.552
Tổng nợ phải trả				82.360.223.288
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	27.103.762.844	20.563.313.673	18.551.125.048	66.218.201.565
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				198.315.034.790
Tổng tài sản				264.533.236.355
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	10.608.897.273	8.048.848.553	7.261.241.956	25.918.987.781
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				49.646.365.329
Tổng nợ phải trả				75.565.353.110

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

4 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**4.1 Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thanh toán
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo quản lý nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của mình.

4.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Ảnh hưởng của rủi ro tài chính

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng	96.739.247	9.266.946.816
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	109.000.000.000	91.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	37.898.834.079	51.464.998.463
Cộng	146.995.573.326	151.731.945.279

4.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

	Từ 1 năm trở xuống (VND)	Từ 1 đến 5 năm (VND)	Từ 5 năm trở lên	Cộng
Số cuối kỳ				
Các khoản vay	41.103.218.356	18.231.445.800		59.334.664.156
Phải trả người bán	8.104.141.159			8.104.141.159
Chi phí phải trả	-	-		-
Phải trả khác	11.746.749.956			11.746.749.956
Số đầu năm				
Các khoản vay	43.555.676.000	3.032.000.000		46.587.676.000
Phải trả người bán	24.452.835.491			24.452.835.491
Chi phí phải trả	-	-		-
Phải trả khác	33.376.126			33.376.126

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi lãi suất và tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Diêm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09- DN

4.5 Giá trị hợp lý

- So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	1.267.651.286	1.267.651.286	14.664.266.409	14.664.266.409
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	37.898.834.079	(*)	51.464.998.463	(*)
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	1.025.790.330	(*)	-	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	109.000.000.000	(*)	91.000.000.000	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Vay ngắn hạn	(41.103.218.356)	(41.103.218.356)	(43.555.676.000)	(43.555.676.000)
- Phải trả người bán và phải trả khác	(19.850.891.115)	(19.850.891.115)	(24.486.211.617)	(24.486.211.617)
- Vay dài hạn	(18.231.445.800)	(18.231.445.800)	(3.032.000.000)	(3.032.000.000)
Cộng	70.006.720.424	(*)	86.055.377.255	(*)

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

- Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

5 . Thông tin về các bên liên quan**a) Các bên liên quan có giao dịch trong kỳ****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty TNHH Thịnh Phát

Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Công ty Cổ phần Đầu tư NHP

Công ty liên kết

Ngân hàng TMCP Quốc Dân

Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Công ty Cổ phần Delex Việt Nam

Công ty liên kết

b) Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần trên, trong kỳ Công ty còn có giao dịch với các bên liên quan như sau:**Bên liên quan****Giá trị giao dịch****(VND)****Mua hàng**

Công ty Cổ phần Delex Việt Nam

1.449.090.909

Công ty Cổ phần Đầu tư NHP

5.446.000.000

Công ty TNHH Thịnh Phát

27.494.247.665

Bà Ngô Thị Ngân

2.530.785.000

Cộng**36.920.123.574**

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Trả tiền mua hàng

Công ty Cổ phần Delex Việt Nam	1.889.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư NHP	5.973.968.000
Công ty TNHH Thịnh Phát	33.718.173.224
Bà Ngô Thị Ngân	2.485.195.500
Cộng	44.066.336.724

Thu tiền bán hàng

Công ty Cổ phần Delex Việt Nam	960.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư NHP	15.790.568.000
Công ty TNHH Thịnh Phát	34.238.177.224
Bà Ngô Thị Ngân	1.626.777.500
Cộng	52.615.522.724

Tạm ứng

Ông Lê Xuân Nghĩa	7.147.000.000
Cộng	7.147.000.000

Hoàn tiền tạm ứng

Ông Lê Xuân Nghĩa	5.112.522.061
Cộng	5.112.522.061

c) Lương và thù lao chi trả trong năm cho các thành viên trong Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng như sau :

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>
Bà Phạm Thị Thùy	Tổng Giám đốc	59.781.500
Bà Phạm Thiên Thành	Kế toán trưởng	41.238.500
Cộng		101.020.000

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và Báo cáo tài chính giữa niên độ 06 tháng năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

7. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8. Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trong yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Minh

Kế toán trưởng

Phạm Thiên Thành

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Thùy